



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI CHỨNG CHỈ UDCNTT
KHÓA 108, NGÀY 25/8/2024

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Lý thuyết	Thực hành	
01	Phòng 201B4	7h00'	8h00'	34
02	Phòng 202B4	7h00'	8h00'	34
03	Phòng 203B4	7h00'	8h00'	30
04	Phòng 204B4	7h00'	8h00'	34
05	Phòng 205B4	7h00'	8h00'	34
06	Phòng 206B4	7h00'	8h00'	34
07	Phòng 101B4	7h00'	8h00'	34
08	Phòng 102B4	7h00'	8h00'	34
09	Phòng 103B4	7h00'	8h00'	34

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	001	0023410283	Lê Thị Thúy An	Nữ	Kinh	07/9/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
2	002	0023410123	Lê Thị Xuân An	Nữ	Kinh	16/01/2005	TP Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
3	003	0023410726	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	Kinh	26/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
4	004	0023412499	Tiêu Thuận An	Nam	Kinh	28/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
5	005	0022412047	Nguyễn Hồng Ân	Nữ	Kinh	22/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
6	006	0023410452	Đỗ Biện Trâm Anh	Nữ	Kinh	16/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
7	007	0021410028	Lê Thị Huế Anh	Nữ	Kinh	16/01/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
8	008	0023412164	Lý Minh Anh	Nữ	Kinh	28/10/2005	Bình Dương	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
9	009	0023410225	Phạm Thị Tuyết Anh	Nữ	Kinh	19/10/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
10	010	0023410343	Thái Thị Tú Anh	Nữ	Kinh	16/6/2005	Tây Ninh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
11	011	0021411133	Trần Kim Anh	Nữ	Kinh	26/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
12	012	0023412516	Trần Quế Anh	Nữ	Kinh	03/01/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
13	013	0022410068	Trần Thị Thuý Anh	Nữ	Kinh	27/5/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
14	014	0023411916	Ngô Dương Bảo	Nam	Kinh	29/12/2000	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
15	015	0022412133	Nguyễn Thị Bích	Nữ	Kinh	21/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
16	016	0023410841	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	Kinh	26/9/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
17	017	0023410176	Nguyễn Lê Thanh Bình	Nữ	Kinh	08/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
18	018	0021410056	Nguyễn Phạm Mỹ Bình	Nữ	Kinh	25/7/2003	An Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
19	019	0022412107	Phạm Thanh Bưởi	Nam	Kinh	02/10/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
20	020	0022410942	Diệp Phúc An Châu	Nữ	Kinh	21/9/2004	Trà Vinh	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
21	021	0023411863	Trần Dương Ngọc Châu	Nữ	Kinh	06/5/2005	Bình Dương	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
22	022	0022411351	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	Kinh	07/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
23	023	038080020408	Trịnh Quang Chung	Nam	Kinh	20/10/1980	Thanh Hóa	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
24	024	0022411519	Nguyễn Thị Kim Cương	Nữ	Kinh	16/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
25	025	0023411956	Lê Hùng Cường	Nam	Kinh	19/01/2005	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
26	026	0023410122	Mai Nguyễn Quốc Cường	Nam	Kinh	17/10/2005	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
27	027	0023413455	Trần Nguyễn Cường	Nam	Kinh	20/5/2005	Long An	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
28	028	0022410189	Trần Nguyễn Ngọc Linh Đa	Nữ	Kinh	05/8/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
29	029	0022410272	Võ Phong Đại	Nam	Kinh	27/10/2003	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
30	030	0023413300	Tô Tiểu Đan	Nam	Kinh	09/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
31	031	0021411172	Ngô Dương Ngọc Đán	Nam	Kinh	27/5/2003	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
32	032	0022410971	Bùi Hoa Đăng	Nam	Kinh	17/10/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
33	033	0022411174	Nguyễn Hải Đăng	Nam	Kinh	29/11/2004	Kiên Giang	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4
34	034	0023410045	Nguyễn Thị Diệu Đăng	Nữ	Kinh	28/8/2005	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	201- B4	201- B4

Tổng số thí sinh: 34

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	035	0022411957	Phạm Công Danh	Nam	Kinh	08/12/2004	TP. HCM	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
2	036	0022410467	Lê Thị Đông Đào	Nữ	Kinh	11/12/2002	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
3	037	0023411223	Lưu Xuân Đào	Nữ	Kinh	13/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
4	038	0023410474	Võ Nguyễn Anh Đào	Nữ	Kinh	22/10/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
5	039	0019410356	Hồ Thành Đạt	Nam	Kinh	20/3/2000	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
6	040	0023414217	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	Kinh	12/11/2005	TP Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
7	041	0020411173	Lâm Thị Thanh Diệu	Nữ	Kinh	17/8/2002	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
8	042	087083000480	Dương Quốc Định	Nam	Kinh	10/4/1983	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
9	043	0023411087	Nguyễn Lê Hữu Đức	Nam	Kinh	21/8/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
10	044	0023410410	Nguyễn Minh Đức	Nam	Kinh	18/01/2005	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
11	045	0021412213	Nguyễn Tấn Đức	Nam	Kinh	11/6/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
12	046	096089009415	Phạm Quốc Dương	Nam	Kinh	05/10/1989	Cà Mau	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
13	047	0022411520	Bùi Thị Thúy Duy	Nữ	Kinh	18/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
14	048	0023413033	Lê Quang Duy	Nam	Kinh	20/3/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
15	049	0022410668	Lưu Hoàng Duy	Nam	Kinh	07/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
16	050	0022412076	Nguyễn Bảo Duy	Nam	Kinh	09/12/2003	Nam Định	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
17	051	0023413595	Nguyễn Lê Khánh Duy	Nam	Kinh	20/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
18	052	0023411620	Nguyễn Văn Duy	Nam	Kinh	24/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
19	053	0023412869	Trần Hữu Duy	Nam	Kinh	26/01/2005	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
20	054	0022411279	Trịnh Ngọc Duy	Nữ	Kinh	01/12/2003	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
21	055	0021411242	Lê Ngọc Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	07/7/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
22	056	0023411210	Lê Thị Khả Duyên	Nữ	Kinh	12/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
23	057	0022410864	Đỗ Thị Cẩm Giang	Nữ	Kinh	20/7/2003	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
24	058	0022412087	Nguyễn Ngọc Giao	Nữ	Kinh	31/5/2004	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
25	059	0023413127	Phạm Huỳnh Khánh Hà	Nữ	Kinh	27/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
26	060	0022410515	Trần Khánh Hà	Nữ	Kinh	05/02/2004	An Giang	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
27	061	0023412470	Trần Thị Bích Hà	Nữ	Kinh	08/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
28	062	0023410203	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	22/3/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
29	063	0022411419	Phan Thanh Nhã Hân	Nữ	Kinh	24/4/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
30	064	0023410107	Trần Gia Hân	Nữ	Kinh	20/7/2005	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
31	065	087307000425	Võ Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	15/3/2007	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
32	066	0023410538	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	Kinh	06/5/2005	Long An	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
33	067	087197014625	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	Kinh	20/4/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4
34	068	0022410965	Võ Văn Hào	Nam	Kinh	29/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	202- B4	202- B4

Tổng số thí sinh: 34

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi		
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	
1	069	087195000269	Phạm Thị Bé	Hây	Nữ	Kinh	10/01/1995	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
2	070	87199006004	Dương Thị Mỹ	Hiền	Nữ	Kinh	10/6/1999	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
3	071	0022412673	Trần Thị	Hiền	Nữ	Kinh	09/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
4	072	0023411540	Võ Thúy	Hiền	Nữ	Kinh	15/8/2005	TP Cần Thơ	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
5	073	0023413188	Trần Minh	Hiền	Nam	Kinh	04/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
6	074	0022410053	Lê Hoàng	Hiếu	Nam	Kinh	21/9/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
7	075	0022412759	Lê Văn	Hiếu	Nam	Kinh	23/02/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
8	076	0023411861	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	Kinh	13/10/2005	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
9	077	0023411512	Phan Thị Kim	Hoàng	Nữ	Kinh	03/12/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
10	078	0021410256	Hà Thị Ánh	Hồng	Nữ	Kinh	24/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
11	079	0021410261	Lê Thị Hồng	Huệ	Nữ	Kinh	28/9/2001	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
12	080	0022411706	Nguyễn Thị Mỹ	Huệ	Nữ	Kinh	17/10/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
13	081	0022411360	Huỳnh Gia	Hung	Nam	Kinh	27/8/2004	TP. HCM	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
14	082	087208001555	Trần Duy	Hung	Nam	Kinh	07/8/2008	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
15	083	0023410591	Hà Thái Thu	Hương	Nữ	Kinh	29/3/2005	An Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
16	084	0022410173	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	Nữ	Kinh	20/5/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
17	085	0022410191	Phạm Thị Diễm	Hương	Nữ	Kinh	18/7/2004	TP. HCM	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
18	086	0021411327	Lê Đăng	Huy	Nam	Kinh	23/5/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
19	087	0019410452	Lê Hoàng	Huy	Nam	Kinh	09/01/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
20	088	0022411495	Phan Hoàng	Huy	Nam	Kinh	17/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
21	089	0020410241	Trần Đức	Huy	Nam	Kinh	14/3/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
22	090	0021412444	Trần Lê	Huy	Nam	Kinh	12/02/2003	Hậu Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
23	091	0021411332	Trần Quang	Huy	Nam	Kinh	26/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
24	092	0021411334	Võ Huỳnh	Huy	Nam	Kinh	01/10/2003	Kiên Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
25	093	0023410906	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	20/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
26	094	0021413677	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	Kinh	25/11/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
27	095	0023412534	Trương Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	06/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
28	096	0023414104	Võ Thị Thúy	Huỳnh	Nữ	Kinh	09/11/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
29	097	0023412190	Lê Thiện	Khiêm	Nam	Kinh	14/3/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4
30	098	0022411927	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	Kinh	25/7/2004	Long An	6h45'	08h00'	203- B4	203- B4

Tổng số thí sinh: 30

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	099	87097002335	Võ Hoàng	Khương	Nam	Kinh	07/11/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
2	100	0023412627	Bùi Trí	Kiệt	Nam	Kinh	06/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
3	101	0023413728	Lê Văn	Kiệt	Nam	Kinh	05/5/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
4	102	0023410346	Văng Hoàng Chà	Lai	Nam	Kinh	09/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
5	103	0021410357	Nguyễn Sĩ	Lâm	Nam	Kinh	27/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
6	104	0022411126	Nguyễn Thị Thu	Lan	Nữ	Kinh	22/9/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
7	105	0022310039	Trần Lê Chi	Lan	Nữ	Kinh	06/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
8	106	0022410487	Đặng Ngọc	Lễ	Nam	Kinh	15/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
9	107	0021410362	Phan Thị Mỹ	Liên	Nữ	Kinh	13/5/2003	Long An	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
10	108	0021412588	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	Kinh	19/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
11	109	0023412503	Trần Thị Hồng	Loan	Nữ	Kinh	29/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
12	110	0023412056	Phạm Phước	Lợi	Nam	Kinh	23/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
13	111	0022412231	Lê Ngọc	Ly	Nữ	Kinh	06/12/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
14	112	0022410904	Lê Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	22/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
15	113	0023411534	Nguyễn Chúc	Ly	Nữ	Kinh	30/10/2005	An Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
16	114	0022410052	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	Kinh	11/12/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
17	115	0023413332	Trần Thị Xuân	Mai	Nữ	Kinh	05/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
18	116	0021411467	Nguyễn Thị Kiều	Mi	Nữ	Kinh	04/11/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
19	117	0023413475	Bùi Thị Nhật	Minh	Nữ	Kinh	16/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
20	118	0023412483	Phạm Thị Kiều	My	Nữ	Kinh	03/01/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
21	119	0023412076	Lý Ngọc	Mỹ	Nữ	Kinh	26/3/2005	An Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
22	120	0023410338	Trần Lâm Ngọc	Mỹ	Nữ	Kinh	23/10/2005	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
23	121	0023412913	Tô Quốc	Nam	Nam	Kinh	31/8/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
24	122	0023411455	Nguyễn Thị Kim	Ngà	Nữ	Kinh	22/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
25	123	0023412155	Đoàn Đông	Ngân	Nữ	Kinh	28/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
26	124	0023411632	Đổng Thị Trúc	Ngân	Nữ	Kinh	13/10/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
27	125	0023411384	Liêu Trần Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	16/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
28	126	0022411052	Nguyễn Đoàn Phương	Ngân	Nữ	Kinh	22/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
29	127	0023414264	NGUYỄN LÊ NGỌC TUYẾT	NGÂN	Nữ	Kinh	11/7/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
30	128	0020410884	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	17/02/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
31	129	0023412930	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	Kinh	15/11/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
32	130	0023410723	Trương Thị Bích	Ngân	Nữ	Kinh	18/01/2005	TP Cần Thơ	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
33	131	0023410261	Nguyễn Phương	Nghi	Nữ	Kinh	18/4/2004	TP. HCM	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4
34	132	0023413195	Phạm Hữu	Nghĩa	Nam	Kinh	27/12/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	204- B4	204- B4

Tổng số thí sinh: 34

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	133	0023412543	Lê Thị	Ngoan	Nữ	Kinh	08/3/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
2	134	0023411646	Lê Bích	Ngọc	Nữ	Kinh	13/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
3	135	0023412715	Lương Thị Kim	Ngọc	Nữ	Kinh	18/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
4	136	0021411537	Nguyễn Duyên	Ngọc	Nữ	Kinh	19/3/2003	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
5	137	0023411522	Nguyễn Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	08/4/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
6	138	87195009488	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	Nữ	Kinh	23/9/1995	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
7	139	0022410948	Nguyễn Thị Huyền	Ngọc	Nữ	Kinh	02/9/2004	TP.Cần Thơ	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
8	140	0022410697	Trần Minh	Ngọc	Nữ	Kinh	13/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
9	141	0023412889	Huỳnh Thị Bích	Nguyên	Nữ	Kinh	14/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
10	142	0022411397	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyên	Nữ	Kinh	01/9/2004	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
11	143	0023413860	Nguyễn Văn Trung	Nguyên	Nam	Kinh	06/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
12	144	0021310030	Trần Thị Thái	Nguyệt	Nữ	Kinh	06/11/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
13	145	0019310032	Bùi Mỹ	Nhân	Nữ	Kinh	20/4/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
14	146	087084012208	Nguyễn Huỳnh	Nhân	Nam	Kinh	24/10/1984	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
15	147	0023411039	Nguyễn Phước	Nhân	Nam	Kinh	07/10/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
16	148	0022410715	Võ Hoàng	Nhân	Nam	Kinh	13/3/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
17	149	0021410575	Đỗ Thị Kiều	Nhi	Nữ	Kinh	18/8/2003	Cần Thơ	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
18	150	0021412856	Dương Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	05/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
19	151	0023413025	Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	Kinh	31/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
20	152	0020310043	Lê Phạm Mẫn	Nhi	Nữ	Kinh	24/02/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
21	153	0023413664	Lê Thị Ngọc	Nhi	Nữ	Kinh	16/12/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
22	154	0023412073	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	Nữ	Kinh	01/12/2005	An Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
23	155	0023413301	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	Nữ	Kinh	06/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
24	156	0023410445	Võ Huyền Yến	Nhi	Nữ	Kinh	21/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
25	157	0020310048	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	19/7/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
26	158	0019310068	Bùi Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	16/01/2001	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
27	159	0022410094	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	03/7/2004	Kiên Giang	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
28	160	0022412086	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	08/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
29	161	0023410087	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	16/5/2005	Long An	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
30	162	0023411484	Lê Thị Thúy	Như	Nữ	Kinh	15/5/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
31	163	0022412248	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	12/11/2004	Cà Mau	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
32	164	0023412587	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	12/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
33	165	0023410903	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	04/01/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4
34	166	0023413935	Nguyễn Thị Tuyết	Như	Nữ	Kinh	06/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	205- B4	205- B4

Tổng số thí sinh: 34



DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	167	0023410920	Huỳnh Ngọc Tuyết	Nhung	Nữ	Kinh	17/9/2005	An Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
2	168	87197007254	Võ Thị Cẩm	Nhung	Nữ	Kinh	20/02/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
3	169	87200012201	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	Kinh	25/9/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
4	170	0023411631	Võ Thị Hằng	Ni	Nữ	Kinh	29/01/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
5	171	0022410415	Nguyễn Thị	Nờ	Nữ	Kinh	24/12/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
6	172	0022410198	Võ Thị Mỹ	Nuong	Nữ	Kinh	08/7/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
7	173	0022411122	Nguyễn Hồng	Phát	Nam	Kinh	28/02/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
8	174	0020410178	Trần Quý Nhất	Phi	Nam	Kinh	25/6/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
9	175	0022412001	Nguyễn Tấn	Phong	Nam	Kinh	19/9/2003	Tây Ninh	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
10	176	0022411234	Nguyễn Thị Bài	Phong	Nữ	Kinh	29/9/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
11	177	0020410827	Võ Thanh	Phong	Nam	Kinh	25/12/1998	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
12	178	87202000992	Bùi Gia	Phúc	Nam	Kinh	03/9/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
13	179	0023412507	Trần Minh	Phúc	Nam	Kinh	23/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
14	180	0023412634	Trịnh Hoàng	Phúc	Nam	Kinh	13/12/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
15	181	0023413313	Y Hoàng	Phúc	Nam	Kinh	05/10/2005	Cà Mau	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
16	182	0021410709	Võ Minh	Quân	Nam	Kinh	05/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
17	183	0023410083	Huỳnh Thị Thảo	Quyên	Nữ	Kinh	08/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
18	184	0023410169	Ngô Thị Ngọc	Quyên	Nữ	Kinh	22/11/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
19	185	87303002183	Nguyễn Ngọc Tổ	Quyên	Nữ	Kinh	21/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
20	186	0023411848	Đỗ Nguyễn Khánh	Quỳnh	Nữ	Kinh	09/7/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
21	187	0022310032	Trang Trần Thị Huyền	Sâm	Nữ	Kinh	09/02/2004	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
22	188	0022410509	Phan Tấn	Sang	Nam	Kinh	05/7/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
23	189	087068001017	Lê Văn	Sen	Nam	Kinh	02/5/1968	Quảng Nam	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
24	190	87200007361	Dương Văn	Sĩ	Nam	Kinh	15/8/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
25	191	0021410756	Huỳnh Ngọc	Son	Nam	Kinh	25/10/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
26	192	0023412964	Nguyễn Phước	Son	Nam	Kinh	21/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
27	193	0022410188	Nguyễn Thanh	Son	Nam	Kinh	27/11/2004	Long An	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
28	194	0023412050	Nguyễn Văn Vũ	Tài	Nam	Kinh	12/6/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
29	195	0020410127	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	Kinh	08/5/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
30	196	0023413957	Cao Duy	Tân	Nam	Kinh	11/6/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
31	197	87206009870	Hồ Nhật	Tân	Nam	Kinh	06/12/2006	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
32	198	0023411480	Đỗ Hồng	Thái	Nam	Kinh	28/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
33	199	0023410446	Huỳnh Nhật	Thái	Nam	Kinh	29/4/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4
34	200	0023412134	Võ Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	03/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	206- B4	206- B4

Tổng số thí sinh: 34



ĐỊA ĐIỂM: 101-B4
LÝ THUYẾT: 06h45
THỰC HÀNH: 08h00

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	201	087090023448	Nguyễn Duy	Thanh	Nam	Kinh	19/02/1990	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
2	202	0022410116	Phan Thuý	Thanh	Nữ	Kinh	19/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
3	203	0021413168	Trần Ngọc	Thành	Nữ	Kinh	24/11/2003	Kiên Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
4	204	0021413767	Lương Thị Thu	Thảo	Nữ	Kinh	02/3/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
5	205	0021413182	Lý Thu	Thảo	Nữ	Khmer	18/5/2003	Sóc Trăng	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
6	206	0021413183	Ngô Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	07/12/2003	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
7	207	0021413204	Trương Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	12/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
8	208	0021413206	Lê Hoàng	Thi	Nữ	Kinh	12/11/2003	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
9	209	0022410277	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	Nữ	Kinh	01/9/2004	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
10	210	0023411593	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	Kinh	14/5/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
11	211	0023411800	Trần Quốc	Thịnh	Nam	Kinh	25/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
12	212	0022411978	Nguyễn Võ Hoàng	Thơ	Nữ	Kinh	12/6/2004	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
13	213	0022411594	Võ Anh	Thơ	Nữ	Kinh	14/9/2004	Trà Vinh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
14	214	0023412465	Nguyễn Trường	Thọ	Nam	Kinh	11/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
15	215	0021411780	Bùi Thị Hồng	Thu	Nữ	Kinh	15/8/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
16	216	0023411155	Lê Thị Kiều	Thu	Nữ	Kinh	06/12/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
17	217	0023412545	Trịnh Thị Ngọc	Thu	Nữ	Kinh	14/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
18	218	0023411817	Bùi Anh	Thư	Nữ	Kinh	10/7/2005	Trà Vinh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
19	219	0023410640	Hà Lê Anh	Thư	Nữ	Kinh	29/11/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
20	220	0022411269	Hồ Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	02/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
21	221	0023410475	Lê Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	31/5/2005	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
22	222	0021410864	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	20/12/2003	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
23	223	0022412428	Nguyễn Trần Minh	Thư	Nữ	Kinh	03/8/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
24	224	0023412223	Trần Huỳnh Minh	Thư	Nữ	Kinh	15/6/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
25	225	0023410151	Huỳnh Minh	Thuận	Nam	Kinh	02/10/2005	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
26	226	87092016688	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	Kinh	05/02/1992	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
27	227	0023410862	Trần Thị Kim	Thuận	Nữ	Kinh	18/02/2005	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
28	228	0022310030	Trần Phạm Kim	Thủy	Nữ	Kinh	04/8/2004	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
29	229	0014412299	Trịnh Thị Minh	Thủy	Nữ	Kinh	20/8/1996	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
30	230	0023410302	Kiến Thị Sơn	Thủy	Nữ	Khmer	23/3/2005	An Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
31	231	0022310021	Lê Thị Hồ	Thủy	Nữ	Kinh	15/5/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
32	232	0021413317	Bùi Thị Kiều	Tiên	Nữ	Kinh	13/01/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
33	233	0023410342	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	Nữ	Kinh	05/02/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
34	234	0023414170	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	23/9/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ ƯDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV CMND	Họ và Tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
								Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	235	0023413422	Nguyễn Thị Kiều Tiên	Nữ	Kinh	20/6/2005	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
2	236	0023412228	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	Kinh	01/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
3	237	0020410030	Lê Minh Tiến	Nam	Kinh	03/3/2000	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
4	238	0022412491	Lê Tân Tiến	Nam	Kinh	20/5/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
5	239	0023411141	Trần Thị Mỹ Tiên	Nữ	Kinh	22/01/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
6	240	0023411801	Huỳnh Văn Quốc Toàn	Nam	Kinh	28/01/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
7	241	0023410721	Bùi Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	12/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
8	242	0023410167	Nguyễn Dương Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	19/6/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
9	243	0022411007	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	30/4/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
10	244	0023413469	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	28/3/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
11	245	0023410361	Trần Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	Kinh	15/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
12	246	0022411071	Đỗ Nguyễn Bảo Trân	Nữ	Kinh	18/12/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
13	247	0021413397	Huỳnh Thị Huyền Trân	Nữ	Kinh	28/4/2001	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
14	248	0022411196	Lê Nguyễn Bảo Trân	Nữ	Kinh	02/01/2004	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
15	249	0022411177	Nguyễn Ngọc Trân	Nữ	Kinh	12/3/2004	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
16	250	0023310080	Phạm Thị Quế Trân	Nữ	Kinh	20/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
17	251	87197015737	Võ Thị Bảo Trân	Nữ	Kinh	01/9/1997	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
18	252	0022410627	Lương Thị Thuý Trang	Nữ	Kinh	02/01/2004	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
19	253	0023410128	Phạm Trần Minh Trang	Nữ	Kinh	16/4/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
20	254	0021411863	Trần Ngọc Trang	Nữ	Kinh	22/10/2003	TP. HCM	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
21	255	0020310041	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	Kinh	02/6/2002	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
22	256	0021413446	Đỗ Văn Minh Trí	Nam	Kinh	06/01/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
23	257	0023412948	Nguyễn Hoàng Trọng Trí	Nam	Kinh	02/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
24	258	0022412366	Nguyễn Tiến Triển	Nam	Kinh	28/02/2004	Bạc Liêu	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
25	259	0023410260	Nguyễn Dương Ngọc Triệu	Nữ	Kinh	02/3/2005	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
26	260	0021310077	Nguyễn Thị Yến Trinh	Nữ	Kinh	18/4/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
27	261	0022410879	Phan Thị Ngọc Trinh	Nữ	Kinh	07/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
28	262	0023410113	Trần Thị Tú Trinh	Nữ	Kinh	13/4/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
29	263	080080000895	Nguyễn Ngọc Trừ	Nam	Kinh	02/9/1980	Long An	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
30	264	0021410976	Phạm Thanh Trúc	Nữ	Kinh	10/10/2003	Tiền Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
31	265	0022411777	Lê Thanh Tú	Nam	Kinh	10/6/1992	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
32	266	0023410248	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	Kinh	04/6/2005	An Giang	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
33	267	0023411177	Nguyễn Lê Tuấn	Nam	Kinh	15/8/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4
34	268	0023411733	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	Kinh	01/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	102- B4	102- B4

Tổng số thí sinh: 34

DANH SÁCH THÍ SINH THI CHỨNG CHỈ UDCNTT CƠ BẢN

Stt	SBD	MSSV/ CMND	Họ và Tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Thời gian thi		Phòng thi	
									Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	269	0022412000	Đặng Nguyễn Cát	Tường	Nữ	Kinh	07/9/2003	TP Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
2	270	0023410295	Phạm Thị Kim	Tuyền	Nữ	Kinh	11/9/2005	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
3	271	0021413528	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	Nữ	Kinh	11/5/2003	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
4	272	0023410715	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	Kinh	04/02/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
5	273	0023411021	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	Kinh	16/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
6	274	087095017911	Dương Văn	Út	Nam	Kinh	07/6/1995	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
7	275	0022412740	Lương Tú	Uyên	Nữ	Kinh	20/02/2003	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
8	276	0022411354	Đặng Thị Bích	Vân	Nữ	Kinh	13/9/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
9	277	0023411609	Đỗ Thị Kiều	Vân	Nữ	Kinh	24/9/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
10	278	0023412539	Nguyễn Huỳnh Hạ	Vi	Nữ	Kinh	25/10/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
11	279	0020411242	Võ Huỳnh Tường	Vi	Nữ	Kinh	12/9/2001	Cà Mau	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
12	280	87204008101	Phạm Văn	Vũ	Nam	Kinh	17/01/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
13	281	0022410158	Trần Long	Vũ	Nam	Kinh	25/8/2004	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
14	282	0023411495	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	Kinh	06/4/2005	Kiên Giang	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
15	283	0023414144	Hồ Hải	Vy	Nữ	Kinh	07/8/2005	TP Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
16	284	0021411955	Huỳnh Thúy	Vy	Nữ	Kinh	15/3/2003	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
17	285	0023410170	Ngô Thị Thúy	Vy	Nữ	Kinh	19/10/2005	Bến Tre	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
18	286	0023413796	Đặng Như	Ý	Nữ	Kinh	19/5/2005	Đồng Tháp	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
19	287	0022411389	Huỳnh Như	Ý	Nữ	Kinh	03/01/2004	Cần Thơ	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
20	288	0022410070	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	Kinh	02/7/2004	Vĩnh Long	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
21	289	0023410362	Phạm Thị Ngọc	Yến	Nữ	Kinh	03/9/2005	Long An	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
22	290	0023410135	Phan Thị Hồng	Yến	Nữ	Kinh	21/9/2005	TP Hồ Chí Minh	6h45'	08h00'	103- B4	103- B4
23	291	87305008174	Huỳnh Ngọc Sơn	Ca	Nữ	Kinh	11/3/2005	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	103- B4
24	292	0021412225	Huỳnh Hải	Dương	Nam	Kinh	20/8/2002	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	103- B4
25	293	0021412494	Võ Phúc	Khang	Nam	Kinh	04/7/2003	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	103- B4
26	294	0020410238	Lê Quốc	Hung	Nam	Kinh	19/8/2002	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	103- B4
27	295	087303003344	Võ Thị	Mỹ	Nữ	Kinh	30/4/2003	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	103- B4
28	296	087305002351	Lê Thảo	Nguyên	Nữ	Kinh	17/10/2005	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	103- B4
29	297	0020410348	Nguyễn Nam	Nguyễn	Nam	Kinh	07/10/2002	Đồng Tháp	6h45'		103- B4	103- B4
30	298	087304000794	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	06/10/2004	Đồng Tháp		08h00'	103- B4	103- B4
31	299	087304006131	Trần Thị Mỹ	Hiền	Nữ	Kinh	10/12/2004	Đồng Tháp		08h00'	103- B4	103- B4
32	300	0021411534	Lê Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	Kinh	30/6/2003	Đồng Tháp		08h00'	103- B4	103- B4
33	301	0023410905	Nguyễn Y	Phụng	Nữ	Kinh	02/7/2005	Sóc Trăng		08h00'	103- B4	103- B4
34	302	087303017518	Nguyễn Ngô Ngọc	Thảo	Nữ	Kinh	08/8/2003	TP. HCM		08h00'	103- B4	103- B4

Tổng số thí sinh: 34